

Số: 02/QĐ-THTM

Tiên Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TIỀN MINH**

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố về triển khai Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 2131/TTTP-NV4 ngày 23/10/2023 về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023;

Căn cứ Công văn 3074/UBND-TTr ngày 17/11/2023 của Ủy Ban nhân dân huyện về việc kê khai tài sản thu nhập năm 2023; Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Thời gian công khai: Từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến hết ngày 02 tháng 2 năm 2024.

**Điều 3.** Các ông (bà) Phó hiệu trưởng, Ban chỉ đạo thực hiện quy chế công khai và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu: VT.



Số: 01 /TB-THTM

Tiên Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2024

## THÔNG BÁO

### Về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng

Căn cứ Luật phòng, chống tham nhũng 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

Căn cứ Kế hoạch số 305/KH-UBND ngày 31/12/2020 của UBND thành phố về triển khai Nghị định số 130/2020/NĐ-CP về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị; Công văn số 2131/TTTP-NV4 ngày 23/10/2023 về việc kê khai tài sản, thu nhập năm 2023;

Căn cứ Công văn 3074/UBND-TTr ngày 17/11/2023 của Ủy Ban nhân dân huyện về việc kê khai tài sản thu nhập năm 2023; Quyết định số 5062/QĐ-UBND ngày 07/12/2023 về việc phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2023;

Trường Tiểu học Tiên Minh thông báo về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2023 của Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng như sau:

- Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Ban giám hiệu, Thanh tra nhân dân, đại diện công đoàn, đại diện tổ chuyên môn, TKHĐ trường.

- Địa điểm niêm yết: Bảng tin trường Tiểu học Tiên Minh, <https://thtienminh.haiphong.edu.vn>.

- Thời gian niêm yết: Từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến hết 02 tháng 02 năm 2024.

Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 03 tháng 01 năm 2024 đến hết 02 tháng 02 năm 2024.

Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua Email của nhà trường: [tieuhoctienminhtienlang@gmail.com](mailto:tieuhoctienminhtienlang@gmail.com)

Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất là 06/02/2024

#### Nơi nhận

- BCD công khai;
- CB, GV, NV;
- Ban đại diện CMHS;
- Website;
- Lưu VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Văn Bấy**

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**  
**(Ngày 31 tháng 12 năm 2023)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **PHẠM VĂN BÃY**. Năm sinh: 09/04/1973

- Chức vụ/chức danh công tác: Hiệu trưởng

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tiên Minh - Tiên Lãng - HP

- Nơi thường trú: Hộ Tứ Ngoại - Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng

- Số CCCD: 031073005037, ngày cấp: 28/06/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **VŨ THỊ AN THÙY**. Năm sinh: 03/11/1977

- Nghề nghiệp: Dạy học

- Nơi làm việc: Trường Tiểu học Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng

- Nơi thường trú: Hộ Tứ Ngoại - Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng

- Số CCCD: 031177015340, ngày cấp: 12/8/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ hai:

- Họ và tên: **PHẠM MINH PHÚC**

- Ngày, tháng, năm sinh: 09/11/2006

- Nơi thường trú: Hộ Tứ Ngoại - Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng

- Số CCCD: 031206013537, ngày cấp: 31/5/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội


3.2. Con thứ ... :

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

**1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:**

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Hộ Tứ Ngoại - Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng 

- Diện tích: 496m<sup>2</sup>
- Giá trị: .....
- Giấy CN quyền sử dụng: CB238720 (Thửa đất số 11. Tờ bản đồ số 04)
- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ: Hộ Tứ Ngoại - Đoàn Lập - Tiên Lãng - Hải Phòng
- Diện tích: 122m<sup>2</sup>
- Giá trị: .....
- Giấy CN quyền sử dụng: BD126389 (Thửa đất số 106. Tờ bản đồ số 04)
- Thông tin khác (nếu có):

1.2. Các loại đất khác

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất nông nghiệp, Địa chỉ: Hộ Tứ Ngoại-Đoàn Lập-Tiên Lãng-HP
- Diện tích: 504m<sup>2</sup>
- Giá trị: Đất nông nghiệp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thửa thứ hai:


- Loại đất: Đất nông nghiệp, Địa chỉ: Hộ Tứ Ngoại-Đoàn Lập-Tiên Lãng-HP
- Diện tích: 1224m<sup>2</sup>
- Giá trị: Đất nông nghiệp
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): Không có

2. Nhà ở, công trình xây dựng

2.1. Nhà ở

2.1.1. Nhà thứ nhất

- Địa chỉ: Hộ Tứ Ngoại-Đoàn Lập-Tiên Lãng-HP
- Loại nhà: Kiên cố. Cấp công trình: 1
- Diện tích sử dụng: 72m<sup>2</sup>
- Giá trị: 360 000 000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Không có
- Thông tin khác (nếu có): Không có

2.1.2. Nhà thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất. Không có 

2.2. Công trình xây dựng khác: Không có

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: ..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình ..... Cấp công trình .....
- Diện tích: .....
- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ hai (Trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: Không có

3.1. Cây lâu năm

- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng: ..... Diện tích: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi: ..... Số lượng: ..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>. Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>.

Tiền gửi: 754.446.587 đồng

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu: ..... Số lượng: ..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: .....Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:  
Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>. Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 424.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 268.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 156.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: .....
- Tổng các khoản thu nhập chung: 424.000.000 đồng

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng			

<p>2.1. Nhà ở</p> <p>2.2. Công trình xây dựng khác</p> <p>3. Tài sản khác gắn liền với đất</p> <p>3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất</p> <p>3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất</p> <p>4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên</p> <p>5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(32)</sup>.</p>		<p>Tăng 254 triệu</p> <p>+ 424 triệu</p>	<p>Tiền tiết kiệm và tiền lãi gửi ngân hàng</p> <p>Thu nhập từ lương và phụ cấp 410 triệu</p>
--	--	--	---

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Thị Huyền

Tiên Lãng, ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

  
Phạm Văn Bấy

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM** <sup>(1)</sup>  
**(Ngày 31 tháng 12 năm 2023)** <sup>(2)</sup>

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Nguyễn Thị Huyền**. Ngày tháng năm sinh: 19/09/1981
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường Tiểu học Tiên Minh – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Nơi thường trú: Thôn Quan Bò – xã Cấp Tiên – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân<sup>(3)</sup>: 031181017136.  
Ngày cấp: 20/08/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên chồng: **Nguyễn Văn Mạnh**. Ngày/ tháng/ năm sinh: 26/12/1978.
- Nghề nghiệp: Tự do
- Nơi làm việc<sup>(4)</sup>: .....
- Nơi thường trú: Thôn Quan Bò – xã Cấp Tiên – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031078001062  
Ngày cấp: 23/12/ 2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

3. Con chưa thành niên (con đẻ)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: **Nguyễn Thảo Hiền**. Ngày tháng năm sinh: 28/09/2006  
Nơi thường trú: Thôn Quan Bò – xã Cấp Tiên – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 031306009223  
Ngày cấp: 07/05/2021. nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: **Nguyễn Hiền Minh**. Ngày tháng năm sinh: 12/09/2009  
Nơi thường trú: Thôn Quan Bò – xã Cấp Tiên – Tiên Lãng – Hải Phòng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp..... nơi cấp .....

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**<sup>(5)</sup>

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>:

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất<sup>(6)</sup>: Đã được cấp giấy quyền sử dụng đất

1.1. Đất ở<sup>(7)</sup>: Đất ở.

## 1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ<sup>(8)</sup>: Thôn Thái Lai, xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng thành phố Hải Phòng.
- Diện tích<sup>(9)</sup>: 99,3 m<sup>2</sup>.
- Giá trị<sup>(10)</sup>: 400.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng<sup>(11)</sup>: Đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Mạnh và bà Nguyễn Thị Huyền theo số CS02708
- Thông tin khác (nếu có)<sup>(12)</sup>: .....

## 1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác<sup>(13)</sup>: Không có

## 1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

## 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

## 2. Nhà ở, công trình xây dựng:

## 2.1. Nhà ở:

## 2.1.1. Nhà thứ nhất: .....

- Địa chỉ: .....
- Loại nhà<sup>(14)</sup>: .....
- Diện tích sử dụng<sup>(15)</sup>: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

## 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác<sup>(16)</sup>: Không có

## 2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ: .....
- Loại công trình:..... Cấp công trình: .....
- Diện tích: .....
- Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

## 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất<sup>(17)</sup>: Không có3.1. Cây lâu năm<sup>(18)</sup>:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

3.2. Rừng sản xuất<sup>(19)</sup>:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

## 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>: .....

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(20)</sup>: Không có

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên<sup>(21)</sup>: Không có

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có

## 6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

## 6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị: .....

6.3. Vốn góp<sup>(22)</sup>:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác<sup>(23)</sup>:

- Tên giấy tờ có giá: ..... Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không có

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)<sup>(24)</sup>:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị: .....

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)<sup>(25)</sup>:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị: .....

8. Tài sản ở nước ngoài<sup>(26)</sup>: Không có

9. Tài khoản ở nước ngoài<sup>(27)</sup>: Không có

- Tên chủ tài khoản: ....., số tài khoản: .....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: .....
- 10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai<sup>(28)</sup>: 261.897.911 đồng
- Tổng thu nhập của người kê khai: 196.897.911 đồng.
- Tổng thu nhập của chồng: 65.000.000đ/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không có
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM<sup>(29)</sup>** (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có gì biến động.

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu			

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .		261.897.911d/năm	- Thu nhập từ lương và các khoản phụ cấp 196.897.911d - Thu nhập của chồng: 65 000 000d

Tiên Lãng, ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI  
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



HIỆU TRƯỞNG  
*Phạm Văn Bảy*

Tiên Lãng, ngày 31 tháng 12 năm 2023  
 NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN  
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Huyền